HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

MÔNG CỔ

VỀ

CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
MÔNG CỔ
VỀ
CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ (sau đây gọi riêng là Bên và gọi chung là các Bên);

Với mong muốn tạo điều kiện thuận lợi để những người bị kết án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng ở đất nước của họ;

Nhận thức rằng có thể đạt được mục tiêu này thông qua việc tạo cơ hội cho người bị kết án phạt tù do phạm tội được thi hành hình phạt ở đất nước của mình;

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1
Giải thích từ ngữ

Trong Hiệp định này:

1. "Bên chuyển giao" là Bên đã tuyên hình phạt đối với người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao.

2. "Bên nhận" là Bên mà người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao đến để tiếp tục thi hành hình phạt.

3. "Hình phạt" là bất kỳ biện pháp trừng phạt hoặc biện pháp tước tự do có thời hạn hoặc không có thời hạn do Toà án của Bên chuyển giao tuyên khi thực hiện thẩm quyền tài phán hình sự của mình.

4. "Người bị kết án phạt tù" là người đang chấp hành hình phạt tù trong trại giam, trại tạm giam hoặc bất kỳ nơi nào khác trên lãnh thổ của Bên chuyển giao theo bản án của Tòa án có thẩm quyền của Bên chuyển giao.

5. "Công dân" là người có quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch Mông Cổ.

6. "Cơ quan Trung ương" là cơ quan được các Bên ủy quyền để thực hiện Hiệp định này.

7. "Cơ quan có thẩm quyền" là cơ quan được ủy quyền của mỗi Bên để thực hiện yêu cầu.

ĐIỀU 2

Các nguyên tắc chung

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này, các Bên cam kết dành cho nhau sự hợp tác toàn diện trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù.

2. Người bị kết án phạt tù có thể được chuyển giao từ lãnh thổ của Bên chuyển giao sang lãnh thổ của Bên nhận phù hợp với các quy định của Hiệp định này để tiếp tục thi hành hình phạt do Tòa án của Bên chuyển giao đã tuyên đối với người đó.

3. Việc chuyển giao người bị kết án phạt tù có thể do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận hoặc người bị kết án phạt tù yêu cầu.

4. Theo Hiệp định này, người được chuyển giao không bị truy tố, xét xử hoặc kết án ở Bên nhận về cùng hành vi làm căn cứ tuyên hình phạt ở Bên chuyển giao.

ĐIỀU 3

Cơ quan Trung ương

1. Vì mục đích thực hiện Hiệp định này, các Bên sẽ liên hệ trực tiếp với nhau thông qua các Cơ quan Trung ương trừ khi Hiệp định này có quy định khác.

(a) Cơ quan Trung ương của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Công an; và

(b) Cơ quan Trung ương của Mông Cổ là Bộ Tư pháp và Nội vụ.

2. Các Cơ quan Trung ương của các Bên sẽ xử lý yêu cầu chuyển giao theo quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên.

3. Trong trường hợp một Bên thay đổi Cơ quan Trung ương của mình thì sẽ thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 4

Điều kiện chuyển giao

1. Theo Hiệp định này, người bị kết án phạt tù chỉ có thể được chuyển giao nếu có đủ các điều kiện sau:

(a) Người bị kết án phạt tù là công dân của Bên nhận;

(b) Bản án tuyên người bị kết án phạt tù đã có hiệu lực pháp luật và không còn thủ tục tố tụng nào khác đang chờ được tiến hành ở trên lãnh thổ của Bên chuyển giao;

(c) Tính từ thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, người bị kết án phạt tù vẫn còn phải chấp hành hình phạt tù ít nhất là (01) một năm, trừ trường hợp đặc biệt còn ít nhất (06) sáu tháng;

(d) Việc chuyển giao phải có sự đồng ý của người bị kết án phạt tù, hoặc sự đồng ý của người đại diện hợp pháp của người đó khi người đó không có năng lực hành vi;

(e) Hành động hoặc không hành động của người bị kết án phạt tù đã bị áp dụng hình phạt cũng cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên nhận; điều kiện này không yêu cầu tội danh theo pháp luật của các Bên là giống nhau;

(f) Bên chuyển giao và Bên nhận đều đồng ý việc chuyển giao;

(g) Người bị kết án phạt tù đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự, hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản và các trách nhiệm pháp lý khác trong bản án.

2. Các Bên có thể thỏa thuận áp dụng các quy định của Hiệp định này đối với hình phạt và các biện pháp đã tuyên đối với người chưa thành niên theo pháp luật của mỗi Bên. Trong trường hợp này, cần có sự đồng ý của người đại diện hợp pháp của người đó.

ĐIỀU 5

Từ chối chuyển giao

Theo Hiệp định này, yêu cầu chuyển giao đối với người bị kết án phạt tù phải bị từ chối khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Khi có căn cứ cho rằng sau khi chuyển giao, người bị kết án phạt tù có thể bị tra tấn, trả thù, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo và vô nhân đạo ở Bên nhận; hoặc

2. Việc chuyển giao người bị kết án phạt tù có thể phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc các lợi ích cơ bản khác của Bên nhận.

ĐIỀU 6

Thủ tục chuyển giao

1. Các Bên phải thông báo cho người bị kết án phạt tù hoặc người đại diện hợp pháp của người đó, trong trường hợp người đó không có năng lực hành vi, về quyền được chuyển giao theo quy định của Hiệp định này.

2. Nếu người bị kết án phạt tù trình bày nguyện vọng được chuyển giao đến một Bên, Bên nhận được nguyện vọng đó phải thông báo việc này cho Bên kia bằng văn bản ngay khi có thể.

3. Khi có yêu cầu chuyển giao, Bên chuyển giao, trong phạm vi có thể, cung cấp bằng văn bản cho Bên nhận các thông tin và tài liệu sau đây:

(a) Họ tên, giới tính, quốc tịch, ảnh, dấu vân tay, ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh chính xác của người bị kết án phạt tù;

(b) Tài liệu, giấy tờ chứng minh tình trạng quốc tịch của người bị kết án phạt tù, nếu có;

(c) Nơi cư trú cuối cùng của người bị kết án phạt tù ở Bên nhận, nếu có;

(d) Bản chất, thời hạn và ngày bắt đầu thi hành hình phạt, ngày kết thúc thi hành hình phạt, thời gian đã thi hành hình phạt và bất kỳ miễn, giảm hình phạt nào mà người bị kết án phạt tù được hưởng kèm theo các quyết định, tài liệu thể hiện việc miễn, giảm hình phạt, nếu có;

(e) Một bản sao bản án đã tuyên hình phạt đối với người bị kết án phạt tù và luật làm căn cứ;

(f) Một bản tuyên bố về việc đồng ý chuyển giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Hiệp định này;

(g) Các báo cáo về y tế hay xã hội về người bị kết án phạt tù, nếu có, thông tin về quá trình điều trị của người đó tại Bên chuyển giao và bất kỳ khuyến nghị nào về việc tiếp tục điều trị người đó tại Bên nhận;

(h) Các thông tin bổ sung khác do Bên nhận yêu cầu.

4. Nếu người bị kết án phạt tù trình bày nguyện vọng được chuyển giao đến Bên nhận theo Hiệp định này, Bên chuyển giao sẽ cung cấp cho Bên nhận các thông tin quy định tại khoản 3 Điều này khi có yêu cầu.

5. Nếu Bên nhận, sau khi xem xét các thông tin và tài liệu do Bên chuyển giao cung cấp, sẵn sàng tiếp tục thúc đẩy việc chuyển giao, phải nhanh chóng

thông báo bằng văn bản cho Bên chuyển giao và cung cấp các thông tin và tài liệu sau đây:

(a) Một bản sao tài liệu hoặc tuyên bố về việc người bị kết án phạt tù đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Hiệp định này;

(b) Một bản sao luật có liên quan của Bên nhận quy định hành động hoặc không hành động làm căn cứ tuyên hình phạt ở Bên chuyển giao cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm nếu được thực hiện ở lãnh thổ của Bên nhận;

(c) Bản mô tả cách thức mà Bên nhận sẽ thi hành hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án phạt tù; và

(d) Các thông tin bổ sung khác.

6. Mỗi Bên phải cung cấp cho Bên kia trong phạm vi có thể, nếu có yêu cầu, bất kỳ thông tin, tài liệu hoặc tuyên bố trước khi lập yêu cầu chuyển giao hoặc quyết định về việc có đồng ý với việc chuyển giao hay không.

7. Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho người bị kết án phạt tù về bất kỳ hành động nào do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận thực hiện theo các khoản của Điều này, nếu có.

ĐIỀU 7

Yêu cầu và việc trả lời

1. Yêu cầu chuyển giao và văn bản trả lời phải được lập bằng văn bản hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào cho phép thể hiện nội dung đó và phải được gửi đến các Cơ quan Trung ương quy định trong Hiệp định này.

2. Việc trả lời phải được thực hiện thông qua cùng kênh với yêu cầu.

3. Bên nhận phải nhanh chóng thông báo cho Bên chuyển giao về quyết định có đồng ý với việc chuyển giao hay không.

ĐIỀU 8

Sự đồng ý và việc xác nhận

1. Bên chuyển giao phải đảm bảo rằng người bị kết án phạt tù tự nguyện đồng ý với việc chuyển giao theo điểm d khoản 1 Điều 4 Hiệp định này.

2. Bên chuyển giao sẽ cho phép công chức do Bên nhận chỉ định xác minh, trước khi chuyển giao, sự đồng ý của người bị kết án phạt tù với nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý theo khoản 1 Điều này.

ĐIỀU 9

Tiếp tục thi hành hình phạt

1. Việc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật và thủ tục của Bên nhận, bao gồm cả các điều kiện thi hành hình phạt tù và các quy định về giảm án hoặc tha tù.

2. Trong khi tiếp tục thi hành hình phạt, Bên nhận chịu sự ràng buộc về bản chất pháp lý và thời hạn của hình phạt được quyết định bởi Bên chuyển giao.

3. Nếu bản chất pháp lý hoặc thời hạn của hình phạt không tương thích với pháp luật của Bên nhận thì Bên nhận có thể chuyển đổi hình phạt đó cho phù hợp với hình phạt theo pháp luật nước mình. Khi chuyển đổi hình phạt, các cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận phải căn cứ vào các tình tiết khách quan của vụ án, được thể hiện trong bản kết luận, bản cáo trạng, bản án hoặc hình phạt đã được Bên chuyển giao ban hành. Hình phạt được chuyển đổi không được nặng hơn so với hình phạt đã được tuyên tại Bên chuyển giao về bản chất hoặc thời hạn hoặc không vượt quá hình phạt cao nhất theo quy định pháp luật của Bên nhận. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận không được chuyển đổi hình phạt tước tự do thành hình phạt không tước tự do.

4. Nếu người bị kết án phạt tù là người chưa thành niên theo pháp luật của Bên nhận thì Bên nhận có thể đối xử với người đó như một người chưa thành niên bất kể người đó có địa vị pháp lý gì theo pháp luật của Bên chuyển giao.

5. Bên nhận sẽ thực hiện việc giảm án hoặc tha tù cho người bị kết án phạt tù ngay sau khi nhận được thông báo về quyết định của Bên chuyển giao theo quy định tại Điều 10 Hiệp định này.

6. Các Bên thông báo cho người bị kết án phạt tù bằng văn bản về bất kỳ hành động hoặc quyết định nào của Bên chuyển giao hay của Bên nhận theo quy định tại các khoản, từ khoản 1 đến khoản 5 của Điều này.

ĐIỀU 10

Bảo lưu thẩm quyền tài phán

1. Chỉ Bên chuyển giao mới có quyền xem xét lại bản án.

2. Một Bên có thể quyết định đặc xá, đại xá hoặc giảm hình phạt phù hợp với Hiến pháp hoặc các luật khác của mình và phải thông báo cho Bên kia về quyết định này ngay khi có thể.

ĐIỀU 11

Quá cảnh

1. Nếu một Bên thỏa thuận chuyển giao người bị kết án phạt tù với Bên thứ ba, Bên kia sẽ, phù hợp với pháp luật của mình, hợp tác tạo điều kiện thuận lợi cho việc quá cảnh qua lãnh thổ của mình người bị kết án phạt tù được chuyển giao theo thỏa thuận đó, trừ khi Bên đó từ chối cho phép quá cảnh:

(a) Nếu người bị kết án phạt tù là công dân của nước mình;

(b) Nếu yêu cầu quá cảnh có thể vi phạm chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích cơ bản khác của Bên đó.

2. Bên có ý định quá cảnh phải thông báo trước cho Bên kia về việc quá cảnh đó.

ĐIỀU 12

Chi phí

Chi phí phát sinh trong việc chuyển giao người bị kết án phạt tù hoặc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao sẽ do Bên nhận chi trả trừ những chi phí phát sinh hoàn toàn trong phạm vi lãnh thổ của Bên chuyển giao. Bên nhận có thể thu lại một phần hoặc toàn bộ chi phí chuyển giao từ người bị kết án phạt tù hoặc các nguồn khác.

ĐIỀU 13

Ngôn ngữ

1. Yêu cầu chuyển giao và thông tin theo Điều 6 và Điều 7 Hiệp định này được lập bằng ngôn ngữ của Bên mà yêu cầu chuyển giao được chuyển đến hoặc tiếng Anh.

2. Việc trao đổi giữa các Cơ quan Trung ương nêu tại Điều 3 Hiệp định này được thực hiện bằng ngôn ngữ do các Bên thống nhất hoặc bằng tiếng Anh.

ĐIỀU 14

Thông tin về việc thi hành hình phạt

Bên nhận sẽ cung cấp các thông tin liên quan đến việc thi hành hình phạt cho Bên chuyển giao trong các trường hợp sau đây:

1. Người bị kết án phạt tù được giảm án, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. Khi Bên nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đã kết thúc.

3. Người bị kết án phạt tù bỏ trốn khỏi nơi giam giữ hoặc chết trước khi chấp hành xong hình phạt.

4. Bên chuyển giao yêu cầu một bản báo cáo.

ĐIỀU 15

Bàn giao người bị kết án phạt tù

1. Việc bàn giao người bị kết án phạt tù từ Bên chuyển giao đến Bên nhận sẽ diễn ra tại địa điểm và thời gian do Bên chuyển giao và Bên nhận thỏa thuận. Bên nhận sẽ chịu trách nhiệm về việc di chuyển người bị kết án phạt tù từ Bên chuyển giao và cũng sẽ chịu trách nhiệm đối với việc giam giữ người bị kết án phạt tù đó ở ngoài lãnh thổ của Bên chuyển giao.

2. Việc bàn giao người bị kết án phạt tù phải được lập thành hai (02) biên bản bằng tiếng Anh và các bản có giá trị như nhau. Mỗi Bên giữ một bản.

ĐIỀU 16

Giải quyết bất đồng

Mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua trao đổi giữa các Cơ quan Trung ương. Trường hợp các Cơ quan Trung ương không thể đạt được thoả thuận, bất đồng sẽ được các Bên giải quyết thông qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 17

Mối quan hệ với các điều ước quốc tế khác

Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các Bên theo các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế khác mà các Bên là thành viên.

Điều 18

Tham vấn

1. Theo yêu cầu của một Bên, các Bên sẽ tiến hành tham vấn liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này.

2. Các Cơ quan Trung ương của các Bên có thể tham vấn trực tiếp với nhau về quá trình giải quyết các vụ việc cụ thể và duy trì, cải thiện các thủ tục để thực hiện Hiệp định này.

ĐIỀU 19

Hiệu lực, sửa đổi và chấm dứt hiệu lực

1. Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên kia bằng văn bản khi hoàn tất các thủ tục cần thiết để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng.

2. Hiệp định sẽ được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù mà bản án kết án người đó được tuyên trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi theo sự thỏa thuận của các Bên bằng văn bản. Bất kỳ sửa đổi nào của Hiệp định này sẽ có hiệu lực cùng cách thức như Hiệp định này.

4. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn. Tuy nhiên, một Bên có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có hiệu lực vào ngày thứ một trăm tám mươi (180) kể từ ngày thông báo cho Bên kia. Việc chấm dứt hiệu lực không ảnh hưởng đến việc xử lý yêu cầu chuyển giao nhận được trước khi việc chấm dứt có hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, các đại diện dưới đây, được ủy quyền đầy đủ bởi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ, đã ký Hiệp định này.

LÀM thành hai (02) bản gốc tại Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2018 bằng tiếng Việt, tiếng Mông Cổ và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích Hiệp định này, bản tiếng Anh sẽ làm căn cứ để đối chiếu.

THAY MẶT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT MÔNG CỔ**
Thượng tướng Tô Lâm **BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**	**Tsend Nyamdorj** **BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP VÀ NỘI VỤ**

TREATY

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

MONGOLIA

ON

THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

TREATY
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
MONGOLIA
ON
THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

The Socialist Republic of Viet Nam and Mongolia (hereinafter referred to individually as the Party and collectively as the Parties);

DESIRING to facilitate the social rehabilitation of sentenced persons into their own countries;

CONSIDERING that this objective should be fulfilled by giving nationals, who have been convicted and sentenced as a result of their commission of a criminal offence, the opportunity to serve their sentences in their own society;

HAVE AGREED as follows:

ARTICLE 1

Definitions

For the purposes of this Treaty:

1. "Transferring Party" means the Party in which the sentence was imposed and from which the sentenced person who may be, or has been transferred.

2. "Receiving Party" means the Party to which the sentenced person may be, or has been, transferred in order to continue serving his or her sentence.

3. "Sentence" means any punishment or measure involving deprivation of liberty ordered by a court of the Transferring Party for a limited or unlimited period of time in the course of the exercise of its criminal jurisdiction.

4. "Sentenced person" means a person who is serving a sentence of imprisonment in a prison, temporary detention or any other place in the territory of the Transferring Party under a sentence imposed by a court in the jurisdiction of the Transferring Party.

5. "National" means a person who has the nationality of Viet Nam or Mongolia.

6. "Central Authorities" mean the authorities duly authorized by the Parties for implementation of this Treaty.

7. "Competent authorities" mean the authorities duly authorized by each Party for performance of this act requested.

ARTICLE 2

General Principles

1. The Parties undertake to afford each other the widest measure of cooperation in respect of the transfer of sentenced persons in accordance with the provisions of this Treaty.

2. A sentenced person may be transferred from the territory of the Transferring Party to the territory of the Receiving Party in accordance with the provisions of this Treaty in order to continue serving the sentence imposed on him or her by a court of the Transferring Party.

3. Transfer may be requested by either the Transferring Party or the Receiving Party or the sentenced person.

4. Under this Treaty, the person transferred shall not be prosecuted, judged or sentenced in the Receiving Party for the same acts as the ones on account of which the sentence was imposed in the Transferring Party.

ARTICLE 3

Central Authorities

1. For the purpose of this Treaty, the Parties shall communicate directly with each other through their Central Authorities except provided otherwise in this Treaty.

(a) The Central Authority for the Socialist Republic of Viet Nam shall be the Ministry of Public Security; and

(b) The Central Authority for Mongolia shall be the Ministry of Justice and Home Affairs.

2. The Central Authorities of the Parties shall process requests for transfer in accordance with the provisions of this Treaty and the law of each Party.

3. In case either Party changes its Central Authority, it shall promptly notify in writing the other Party through the diplomatic channel.

ARTICLE 4

Conditions for Transfer

1. A sentenced person may be transferred under this Treaty only on the following conditions:

(a) The sentenced person is a national of the Receiving Party;

(b) The judgment over the sentenced persons must be final and no procedural proceedings are pending in the territory of the Transferring Party;

(c) That, at the time of receipt of the request for transfer, the sentenced person has still at least one (01) year, exemption for special cases at least six (06) months of the sentence to serve;

(d) The transfer is consented to by the sentenced person or, if he or she is incapacitated, by his or her legal representative;

(e) The acts or omissions of the sentenced person on account of which the sentence has been imposed would constitute a criminal offence according to the law of the Receiving Party; this condition shall not be interpreted to require that the definition of the offence according to the law of the Parties be identical;

(f) The Transferring and Receiving Parties both agree to transfer;

(g) The sentenced person has completed the civil liabilities, the service of any additional penalty that may be a fine, confiscation of property and other legal liabilities specified in the judgment.

2. The Parties may agree to apply the provisions of this Treaty to sentences and necessary measures imposed upon minors, under their respective legislations. In any case, it is necessary to obtain the consent of the person legally authorized to act on the minor's behalf.

ARTICLE 5

Refusal of Transfer

The request for transfer for the sentenced person shall be refused under this Treaty, inter alia, in any of the following circumstances:

1. There exist grounds to believe that the sentenced person would be

subjected to torture, retaliation, treated or punished brutally and inhumanly in the Receiving Party after being transferred; or

2. The transfer of the sentenced person would impair the sovereignty, national security, public order or other essential interests of the Receiving Party.

ARTICLE 6

Procedures for Transfer

1. The Parties shall endeavor to inform the sentenced person or his or her legal representative if he or she is incapacitated, of their right to transfer under this Treaty.

2. If the sentenced person has expressed an interest to either Party to be transferred, that Party shall inform the other Party in writing of the interest as soon as practicable.

3. Where the request for transfer has been made, the Transferring Party shall, to the extent practicable, provide the Receiving Party in writing with the following information and documents:

(a) The full name, gender, nationality, photo, finger prints, date and exact place of birth of the sentenced person;

(b) A document indicating the nationality status of the sentenced person, if available;

(c) The last place of residence of the sentenced person in the Receiving Party, if available;

(d) The nature, duration and date of commencement of the sentence, the termination date of the sentence, and the length of time already served and any remission to which he or she is entitled, accompanying decisions, documents proving exemption for sentence, if any;

(e) A copy of the judgment and sentence against the sentenced person and the law on which it is based;

(f) A declaration containing the consent to the transfer as referred in Article 4.1 (d) of this Treaty;

(g) Medical or social reports on the sentenced person, if available, the treatment information of such person in the Transferring Party and treatment recommendation in the Receiving Party;

(h) Any other additional information requested by the Receiving Party.

4. If the sentenced person has expressed an interest to the Receiving Party in being transferred under this Treaty, the Transferring Party shall, on request, communicate to the mentioned Party the information referred to in paragraph 3 of this Article.

5. If the Receiving Party, having considered the information and documents which the Transferring Party has provided, is willing to proceed with the transfer, it shall promptly inform the Transferring Party in writing, and provide the following information and documents:

(a) A copy of the document or statement indicating that the sentenced person complies with the conditions in Article 4.1 (a) of this Treaty;

(b) A copy of the relevant law of the Receiving Party which provides that the acts or omissions on account of which the sentence has been imposed in the Transferring Party constitute a criminal offence according to the law of the Receiving Party, or would constitute a criminal offence if committed in the Receiving Party's territory;

(c) A statement describing how the sentenced person's sentence would be enforced by the Receiving Party; and

(d) Any other additional information.

6. Either Party shall, to the extent practicable, provide the other Party, if it so requests, with any relevant information, documents or statements before making a request for transfer or taking a decision on whether to agree to the transfer.

7. The Parties shall inform the sentenced person in writing of any action taken by the Transferring Party or the Receiving Party under the preceding paragraphs of this Article, if possible.

ARTICLE 7

Requests and Replies

1. Requests for transfer and replies shall be made in writing or by any means enabling proof thereof, and shall be addressed to the Central Authorities designated in this Treaty.

2. Replies shall be communicated through the same channels.

3. The Receiving Party shall promptly inform the Transferring Party of its

decision whether or not to agree to the request for transfer.

ARTICLE 8

Consent and its Verification

1. The Transferring Party shall ensure that the sentenced person required to give consent to the transfer in accordance with Article 4.1(d) of this Treaty does so voluntarily.

2. The Transferring Party shall permit an official designated by the Receiving Party to verify, prior to the transfer that the sentenced person's consent to the transfer with full knowledge of the legal consequences thereof has been given in accordance with paragraph 1 of this Article.

ARTICLE 9

Continued Enforcement of Sentence

1. The continued enforcement of the sentence after transfer shall be governed by the law and procedures of the Receiving Party, including those governing conditions of imprisonment and those providing for the reduction of the term of imprisonment and termination of the enforcement of the sentence.

2. In the case of continued enforcement, the Receiving Party shall be bound by the legal nature and duration of the sentence as determined by the Transferring Party.

3. If the sentence is by its legal nature or duration incompatible with the law of the Receiving Party, that Party may adapt the sentence in accordance with the sentence prescribed by its own law. When adapting the sentence, the appropriate authorities of the Receiving Party shall be bound by the findings of fact, insofar as they appear from any opinion, conviction, judgment, or sentence imposed by the Transferring Party. The adapted sentence shall be no severer than that imposed by the Transferring Party in terms of nature or duration, nor exceed the maximum penalty prescribed by the law of the Receiving Party. When adapting the sentence, the competent authority of the Receiving Party may, however, not convert a sentence of imprisonment to a non-deprivation of liberty sanction.

4. The Receiving Party may, if a sentenced person is a juvenile according to its law, treat the sentenced person as a juvenile regardless of his or her status under the law of the Transferring Party.

5. The Receiving Party shall reduce or terminate enforcement of the sentence as soon as it is informed of any decision by the Transferring Party in accordance with Article 10 of this Treaty.

6. The Parties shall inform the sentenced person in writing of any actions or decisions taken by the Transferring Party or the Receiving Party under paragraphs 1 to 5 of this Article.

ARTICLE 10

Retention of Jurisdiction

1. The Transferring Party alone shall have the right to decide on any application for review of the judgment.

2. Either Party may grant pardon, amnesty or commutation of the sentence in accordance with its Constitution or other laws and shall inform the other Party of this decision as soon as possible.

ARTICLE 11

Transit

1. If either Party enters into arrangements for the transfer of sentenced persons with any third Party, the other Party shall, in accordance with its law, cooperate in facilitating the transit through its territory of the sentenced person(s) being transferred pursuant to such arrangements, except that it may refuse to grant transit:

(a) If the sentenced person is one of its own nationals;

(b) If the request may infringe upon the sovereignty, safety, public order or other essential interests of the Party.

2. The Party intending to make such a transfer shall give advance notice to the other Party of such transit.

ARTICLE 12

Costs

Any cost incurred in relation to the transfer of the sentenced person or the continued enforcement of the sentence after transfer shall be borne by the Receiving Party, except costs incurred by the Transferring Party exclusively within the territory of the Transferring Party. The Receiving Party may demand

or seek to recover all or part of the costs of transfer from the sentenced person or from some other sources.

ARTICLE 13

Languages

1. The request for transfer and information under Articles 6 and 7 of this Treaty shall be furnished in the language of the Party to which it is addressed or in English.

2. Communication between the Central Authorities referred to in Article 3 of this Treaty shall take place in the mutually agreed language or in English.

ARTICLE 14

Information on Enforcement of the Sentence

The Receiving Party shall provide the Transferring Party with the information in relation to the enforcement of the sentence in the following cases:

1. The sentenced person is reduced the term of imprisonment or paroled with some conditions.

2. Where the Receiving Party has realized that the enforcement of the sentence has been completed.

3. The sentenced person has fled from the place of detention or died before completing the sentence.

4. The Transferring Party would require a report.

ARTICLE 15

Handing Over of Sentenced Persons

1. The handing over of the sentenced person by the Transferring Party to the Receiving Party shall occur on a date and at a place to be agreed upon between the Transferring and Receiving Parties. The Receiving Party shall be responsible for the transport of the sentenced person from the Transferring Party and shall also be responsible for custody of the sentenced person outside the territory of the Transferring Party.

2. The handing over of the sentenced person shall be made in writing in duplicate (02) in English and all texts being equally authentic. Each Party shall keep one text.

ARTICLE 16

Settlement of Disputes

Any dispute arising out of the interpretation or implementation of this Treaty shall be resolved through negotiation between the Central Authorities. If the Central Authorities are unable to reach an agreement, the dispute shall be resolved by the Parties through the diplomatic channel.

ARTICLE 17

Relationship with other Treaties

This Treaty shall not affect the rights or obligations of the Parties under other treaties or international agreements to which they are a party.

ARTICLE 18

Consultation

1. According to request of either Party, the Parties shall mutually consult on issues relating to interpretation and application of this Treaty.

2. The Central Authorities of the Parties may consult directly together on processing specific cases and maintain, improve procedures for implementation of this Treaty.

ARTICLE 19

Entry into Force, Amendment and Termination

1. Each Party shall inform the other, in writing, of the completion of its necessary procedures required for the entry into force of this Treaty. The Treaty shall come into force on the thirtieth (30th) day from the date of receipt of the last notification.

2. This Treaty shall be applicable to the sentenced persons whose sentences are imposed before or after the entry into force of this Treaty.

3. This Treaty may be amended in writing by mutual consent. Any amendment to this Treaty shall come into force in the same manner as the Treaty itself.

4. This Treaty shall remain in force for an indefinite period. However, either Party may, by notice in writing through the diplomatic channel, terminate this Treaty at any time. The termination shall take effect on the one hundred and

eightieth (180th) day after the date on which it is notified to the other Party. Termination shall not affect the processing of any request for transfer received prior to such termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by the Socialist Republic of Viet Nam and Mongolia, have signed this Treaty.

DONE in duplicate at Ha Noi on the 16th day of October, 2018 in the Vietnamese, Mongolian and English languages, each language version being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

TO LAM
Senior Lieutenant-General
Minister of Public Security

FOR THE MONGOLIA

TS. NYAMDORJ
Minister of Justice and Home Affairs

ЯЛТАН ШИЛЖҮҮЛЭХТУХАЙ
БҮГД НАЙРАМДАХ СОЦИАЛИСТ ВЬЕТНАМ УЛС
БОЛОН
МОНГОЛ УЛС
ХООРОНДЫН ГЭРЭЭ

Бүгд Найрамдах Социалист Вьетнам Улсболон Монгол Улс (цаашид бие даан "тал", хамтран "талууд" гэх/;

ялтны ялыг харьяалах улсад эдлүүлэх нь тэднийг эргэн нийгэмшихэд тус дөхөм болохыг ХАРГАЛЗАН;

эрүүгийн гэмт хэрэг үйлдсэний улмаас ял шийтгүүлсэн иргэдэд өөрсдийн нийгэмдээ ял эдлэх боломж олгохыг АНХААРЧ ҮЗЭН;

дараахь зүйлийг ХЭЛЭЛЦЭН ТОХИРОЛЦОВ.Үүнд:

1 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ
Тодорхойлолт

Энэхүү гэрээний зорилгоор:

1. "Шилжүүлэгч тал" гэж ял оногдуулсан болон ялтныг өөрийн нутаг дэвсгэрээсээ шилжүүлэн өгөх боломжтой, эсхүл шилжүүлсэн талыг хэлнэ.

2. "Хүлээн авагч тал" гэж ялтныг өөрийн нутаг дэвсгэртээ шилжүүлэн авах боломжтой, эсхүл ялыг үргэлжлүүлэн эдлүүлэхийн тулд шилжүүлэн авсан талыг хэлнэ.

3. "Ял" гэж эрүүгийн хэрэгт шилжүүлэгч талын шүүн таслах ажиллагааны явцад шүүхээс хугацаатай, эсхүл хугацаагүй хорьж эрх чөлөөг нь хязгаарлах зэргээр авсан арга хэмжээ, эсхүл аливаа шийтгэлийг хэлнэ.

4. "Ялтан" гэж шилжүүлэгч талын нутаг дэвсгэрт шилжүүлэгч талын шүүхээс оногдуулсан ялын дагуу хорих анги, түр саатуулах байр болон бусад байгууллагад хорих ял эдэлж буй этгээдийг хэлнэ.

5. "Иргэн" гэж Вьетнам Улс болон Монгол Улсын харьяат этгээдийг хэлнэ.

6. "Эрх бүхий төв байгууллага" гэж энэхүү гэрээг хэрэгжүүлэх эрх бүхий байгууллагыг хэлнэ.

7. "Эрх бүхий байгууллагууд" гэж энэхүү гэрээний дагуу хүсэлтийг гүйцэтгэх талуудын эрх бүхий байгууллагуудыг хэлнэ.

2 ДУГААР ЗҮЙЛ
Ерөнхий зарчим

1. Талууд энэхүү гэрээнд заасны дагуу ялтан шилжүүлэх ажиллагааг хэрэгжүүлэхийн тулд бүхий л арга хэмжээг авч хамтран ажиллана.

2. Энэхүү гэрээний заалтын дагуу шилжүүлэгч талын шүүхээс оногдуулсан ялыг үргэлжлүүлэн эдлүүлэх зорилгоор ялтныг шилжүүлэгч талын нутаг дэвсгэрээс хүлээн авагч талын нутаг дэвсгэрт шилжүүлэн өгч болно.

3. Ялтан шилжүүлэх тухай хүсэлтийг шүлжүүлэгч тал, хүлээн авагч тал, эсхүл ялтан өөрөө гаргаж болно.

4. Энэхүү гэрээний дагуу хүлээн авагч тал ялтанд ижил төрлийн гэмт хэрэгт дахин яллах, шүүх болон ял оногдуулж болохгүй.

3 ДУГААР ЗҮЙЛ
Эрх бүхий төв байгууллага

1. Гэрээнд өөрөөр заагаагүй бол энэхүү гэрээний зорилгоор талууд өөрсдийн томилсон эрх бүхий төв байгууллагаар шууд харилцана.

(a) Бүгд Найрамдах Социалист Вьетнам Улсын эрх бүхий төв байгууллага нь Нийгмийн аюулгүй байдлын яам;

(b) Монгол Улсын эрх бүхий төв байгууллага нь Хууль зүй, дотоод хэргийн яам байна.

2. Талуудын эрх бүхий төв байгууллага нь шилжүүлэх хүсэлтийг энэхүү гэрээний нөхцөл болон талуудын хууль тогтоомжийн дагуу хэрэгжүүлнэ.

3. Хэрэв талуудын эрх бүхий төв байгууллага өөрчлөгдсөн тохиолдолд энэ тухайгаа дипломат шугамаар нөгөө талдаа бичгээр мэдэгдэнэ.

4 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ
Шилжүүлэх нөхцөл

1. Ялтныг энэхүү гэрээний дагуу дараахь нөхцөлд шилжүүлж болно. Үүнд:
(a) Ялтан нь хүлээн авагч талын иргэн байх;

(b) Шилжүүлэгч талын шүүхийн эцсийн шийдвэр гарсан бөгөөд шилжүүлэгч талд хэрэгтэй холбоотой байцаан шийтгэх ажиллагаа дууссан байх;

(c) Ялтан шилжүүлэх хүсэлтийг хүлээн авах үед уг ялтны эдлэх ялын хугацаанаас нэгээс (1) доошгүй жил, онцгой тохиолдолд зургаан (6) сараас доошгүй хугацаа үлдсэн байх;

(d) Шилжүүлэх зөвшөөрлийг ялтан өөрөө, эсхүл тухайн ялтны чадамжгүй нөхцөл байдлаас шалтгаалан түүний хууль ёсны төлөөлөгч зөвшөөрлийг гаргаж болно;

(e) Ялтны үйлдэл, эс үйлдэлд ял оногдуулсан байдал нь хүлээн авагч талын хуулиар эрүүгийн гэмт хэрэгт тооцогддог байх, энэ нөхцөл байдал нь талуудын хууль тогтоомжийн дагуу гэмт хэргийн тодорхойлолт нь адилхан тайлбартай байхыг шаардахгүй;

(f) Талууд ялтан шилжүүлэхийг харилцан зөвшөөрсөн байх;

(g) Ялтан нь шүүхийн тогтоолын дагуу нэмэлт ял шийтгэл хүлээсэн буюу торгууль төлөх, эд хөрөнгө хураалгах болон бусад иргэний үүргээ биелүүлсэн байх.

2. Энэхүү гэрээний заалтыг насанд хүрээгүй этгээдэд ногдуулсан ялын хувьд хэрэглэхдээ талууд тус тусын хууль тогтоомжийн дагуу харилцан тохиролцож болно. Ямар ч тохиолдолд насанд хүрээгүй этгээдийн өмнөөс түүний хууль ёсны төлөөлөгчийн зөвшөөрлийг авах шаардлагатай.

5 ДУГААР ЗҮЙЛ
Шилжүүлэхээс татгалзах

Энэхүү гэрээний дагуу дараахь тохиолдолд ялтанг шилжүүлэхээс татгалзаж болно. Үүнд:

1. Хүлээн авагч тал ялтан шилжүүлэн авсны дараа түүнд эрүү шүүлт тулгах, эсхүл хэрцгий болон хүнлэг бус шийтгэл ногдуулах магадлалтай гэх үндэслэл байвал;

2. Ялтан шилжүүлэх нь хүлээн авагч талын бүрэн эрх, аюулгүй байдал, нийгмийн хэв журам, эсхүл нийтийн үндсэн эрх ашигт хохирол учруулахаар бол.

6 ДУГААР ЗҮЙЛ
Шилжүүлэх журам

1. Талууд энэхүү гэрээний дагуу ялтанд, хэрэв ялтан чадамжгүй тохиолдолд түүний хууль ёсны төлөөлөгчид түүний шилжих эрхийг танилцуулах талаар бүхий л арга хэмжээг авна.

2. Хэрэв ялтан шилжихийг хүсвэл тэрээр уг хүсэлтээ аль ч талд гаргаж болох бөгөөд хүсэлтийг хүлээн авсан тал нөгөө талдаа энэ тухай даруй бичгээр мэдэгдэнэ.

3. Шилжих хүсэлт гаргасан бол, шилжүүлэгч тал хүлээн авагч талд дараахь мэдээлэл болон баримт бичгийг бичгээр өгнө. Үүнд:

(a) Ялтны овог, нэр, хүйс, харьяалал, зураг, хурууны хээ, төрсөн огноо, төрсөн газар;

(b) Боломжтой тохиолдолд ялтны харьяаллын байдлыг тодорхойлсон баримт бичиг;

(c) Ялтны хүлээн авагч талд сүүлд оршин сууж байсан хаяг;

(d) Ялын төрөл, ялын үргэлжлэх, эхлэх болон дуусгавар болох хугацаа, эдэлсэн хугацаа, ялыг хөнгөрүүлсэн хугацаа, цагдан хоригдсон хугацаа болон бусад хасагдсан хугацааны талаарх бусад мэдээлэл;

(e) Ялын болон тогтоолын хуулбар болон гэмт хэргийг тодорхойлсон холбогдох хуулийн мэдээлэл;

(f) Тус гэрээний 4 дүгээр зүйлийн 1 дэх хэсгийн (d)-д заасан бичгээр гаргасан шилжүүлэх зөвшөөрөл;

(g) Шилжүүлэгч тал шаардлагатай үед ялтны эрүүл мэнд, эсхүл нийгмийн байдлын талаарх мэдээлэл, шүлжүүлэгч талд түүний эмчлүүлж байгаа тухай мэдээлэл болон хүлээн авагч талд цаашид хийх эмчилгээний тухай аливаа зөвлөмжийг өгнө.

(h) Хүлээн авагч талын хүссэн бусад нэмэлт мэдээлэл.

4. Энэхүү гэрээний дагуу ялтан шилжих тухай хүсэлтээ хүлээн авагч талд гаргасан бол шилжүүлэгч тал тус зүйлийн 3 дахь хэсэгт заасан мэдээллийг баримт бичгийн хамт нөгөө талдаа өгнө.

5. Хүлээн авагч тал шилжүүлэгч талаас ирүүлсэн мэдээлэл нь шаардлага хангасан гэж үзвэл ялтан шилжүүлэх ажиллагааг явуулах тухайгаа дараахь мэдээлэл, баримт бичгийн хамт шилжүүлэгч талд бичгээр хүргүүлнэ. Үүнд:

(a) Ялтан нь энэхүү гэрээний 4 дүгээр зүйлийн 1 дэх хэсгийн (a)-д заасан шаардлагыг хангаж байгаа талаарх баримт бичиг болон тодорхойлолтын хуулбар;

(b) Үйлдэл, эс үйлдэлд шилжүүлэгч талын ял оногдуулсан үйлдэл, эсхүл хүлээн авагч талын нутаг дэвсгэрт үйлдэгдэх хэрэгт хүлээн авагч талын хуулиар эрүүгийн гэмт хэрэгт тооцогдох тухай холбогдох хуулийн хуулбар;

(c) Хүлээн авагч тал тухайн ялтанд ялыг хэрхэн эдлүүлэх талаар тодорхойлолт;

(d) Шаардлагатай бусад нэмэлт мэдээлэл.

6. Аль нэг тал хэрэв нөгөө тал хүсвэл, шилжүүлэх хүсэлт гаргах, эсхүл шилжүүлэхийг зөвшөөрөх эсэх шийдвэрийг гаргахаасаа өмнө холбогдох

мэдээлэл, баримт бичиг, эсхүл баримтыг боломжийн хэрээр нөгөө талдаа гаргаж өгнө.

7. Хүлээн авагч тал болон шилжүүлэгч тал тус зүйлийн дээрх хэсгүүдэд заасны дагуу гаргасан аливаа шийдвэрийг тухайн ялтанд бичгээр мэдэгдэнэ.

7 ДУГААР ЗҮЙЛ
Хүсэлт гаргах болон хариу өгөх

1. Энэхүү гэрээнд заасны дагуу шилжих хүсэлт болон хариуг бичгээр, эсхүл ямарваа нэгэн нотлох аргаар үйлдэж аль ч эрх бүхий төв байгууллагад мэдэгдэнэ.

2. Хүсэлтийн хариуг мөн адил шугамаар мэдэгдэнэ.

3. Хүлээн авагч тал шилжүүлэх хүсэлтийг хэрхэн шийдвэрлэсэн тухайгаа шилжүүлэгч талд даруй мэдэгдэнэ.

8 ДУГААР ЗҮЙЛ
Ялтны зөвшөөрөл ба түүний нотолгоо

1. Талууд 4 дүгээр зүйлийн 1 дэх хэсгийн (d)-д заасны дагуу шилжихийг зөвшөөрсөн ялтан шийдвэр гаргахдаа сайн дураар зөвшөөрсөн эсэхийг шилжүүлэгч тал баталгаажуулна.

2. Шилжүүлэгч тал ялтан шилжүүлэх зөвшөөрлийг тус зүйлийн 1 дэх хэсэгт заасны дагуу ялтан шилжүүлсний улмаас үүсэн гарах эрх зүйн үр дагаврыгбүрэн ойлгуулсны үндсэн дээр шилжих зөвшөөрлөө сайн дураар өгөх нөхцөлийг хангасан талаар өөрийн бүрэн эрхт төлөөлөгчөөрөө дамжуулан баталгаажуулах боломжийг хүлээн авагч талд олгоно.

9 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ
Ялыг үргэлжлүүлэн эдлүүлэх

1. Ялтныг шилжүүлсний дараа ялыг үргэлжлүүлэн эдлүүлэх, хорих ялын хугацааг багасгах, ялаас чөлөөлөх ажиллагааг хүлээн авагч талын хуулиар зохицуулна.

2. Хүлээн авагч тал нь ялтныг хүлээн авсны дараа шилжүүлэгч талаас оногдуулсан ялын төрөл, хугацааны дагуу ялыг үргэлжлүүлэн эдлүүлнэ.

3. Хэрэв шилжүүлэгч талаас оногдуулсан ялын төрөл эсхүл хугацаа нь хүлээн авагч талын хуультай нийцэхгүй бол тухайн ялыг өөрийн хуульд заасан ижил төрлийн гэмт хэргийн ялтай нийцүүлж болно. Ингэхдээ хүлээн авагч талын эрх бүхий этгээд шилжүүлэгч талын гэм буруутайд тооцсон шүүхийн тогтоол, оногдуулсан ял зэрэг цуглуулсан нотлох баримт дээр тулгуурлаж шийдвэрээ гаргана. Нийцүүлсэн ял нь шилжүүлэгч талын оногдуулсан ялын хугацаа, төрлөөс хүнд байж болохгүй бөгөөд хүлээн авагч талын хуулиар тогтоосон ялын

дээд хэмжээнээс хэтрүүлэхгүй.Хүлээн авагч талын эрх бүхий этгээд ялыг нийцүүлэхдээ биеэр эдлэх ял шийтгэлийг өөр бусад хэлбэрээр эдлүүлэхээр өөрчилж болохгүй.

4. Хэрэв хүлээн авагч талын хуулиар ялтан нь насанд хүрээгүй этгээдэд тооцогдохоор бол шилжүүлэгч талын хуулиар түүний эрх зүйн байдал ямар байсныг үл харгалзан ялтныг насанд хүрээгүй этгээдээр тооцож болно.

5. Хүлээн авагч тал нь шилжүүлэгч талаас тухайн ялтныг өршөөсөн эсхүл ялыг бууруулсан буюу чөлөөлсөн тухай шийдвэрийг хүлээн авсан даруйд ял эдлүүлэх ажиллагааг энэхүү гэрээний 10 дугаар зүйлд заасны дагуу өөрчлөх, эсхүл хүчингүй болгоно.

6. Тус зүйлийн 1-5 хүртэлх хэсгийн дагуу талууд ялтан шилжүүлэх ажиллагаатай холбоотой гаргасан аливаа шийдвэр болон үйл ажиллагааг тухайн ялтанд бичгээр мэдэгдэнэ.

10 ДУГААР ЗҮЙЛ
Хэргийн харьяаллыг хэвээр үлдээх, уучлал, өршөөл үзүүлэх

1. Шилжүүлэгч тал нь өөрийн шүүхээс оногдуулсан ял болон шийтгэлийг хянах хэргийн харьяаллыг хэвээр хадгална.

2. Аль ч тал өөрдийн Үндсэн хууль, эсхүл бусад хуулийн дагуу ялтанд уучлал, өршөөл үзүүлэх, эсхүл ялыг хөнгөрүүлж болох бөгөөд энэ шийдвэрийн талаар нөгөө талдаа нэн даруй мэдэгдэнэ.

11 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ
Ялтныг дамжин өнгөрүүлэх

1. Хэрэв аль нэг тал ялтныг гуравдагч улсын нутаг дэвсгэрээр дамжуулан шилжүүлэхээр бол нөгөө тал нь өөрийн хуулийн дагуу дор дурдсанаас бусад тохиолдолд тухайн ялтныг нутаг дэвсгэрээрээ дамжин өнгөрүүлэхэд дэмжлэг үзүүлж хамтран ажиллана:

(a) Хэрэв шилжүүлж буй ялтан тухайн улсын иргэн бол;

(b) Хэрэв дамжин өнгөрөх хүсэлт нь хэлэлцэн тохирогч талын бүрэн эрх, аюулгүй байдал, нийгмийн хэв журам, эсхүл бусад эрх ашигт хохирол учруулахаар бол;

2. Шилжүүлэх арга хэмжээ авах гэж байгаа тал нөгөө талдаа дамжин өнгөрүүлэх талаар урьдчилан мэдэгдсэн байна.

12 ДУГААР ЗҮЙЛ
Зардал

Хүлээн авагч тал ялтныг шилжүүлэхтэй холбоотой шилжүүлэгч талын нутаг дэвсгэр дээр гаргасан зардлаас бусад зардал болон ялтныг шилжүүлсний дараа ялыг үргэлжлүүлэн эдлүүлэхтэй холбогдон гарах зардлыг хариуцна. Хүлээн авагч тал ялтан шилжүүлэхтэй холбогдон гарсан зардлыг ялтнаас эсхүл бусад эх үүсвэрээс бүхэлд нь болон хэсэгчлэн төлөхийг шаардах эрхтэй.

13 ДУГААР ЗҮЙЛ
Харилцах хэл

1. Тус гэрээний 6 болон 7 дугаар зүйлийн дагуу гаргасан шилжүүлэх хүсэлт түүнчлэн бусад холбогдох баримт бичиг, мэдээллийг хүлээн авагч талын албан ёсны хэл, эсхүл англи хэлээр хүргүүлнэ.

2. Энэхүү гэрээний 3 дугаар зүйлд заасан эрх бүхий төв байгууллага хоорондоо харилцахдаа харилцах хэлээ тохиролцож, эсхүл англи хэлээр харилцана.

14 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ
Ял эдлүүлэх ажиллагааны талаар мэдээлэх

Хүлээн авагч тал нь дараахь тохиолдолд шилжүүлэх талыг ял эдлүүлэх ажиллагааны талаарх мэдээллээр хангана. Үүнд:

1. Зарим нөхцөлийн дагуу ялтны ялын хугацаа хасагдсан, эсхүл тэнсэн суллагдсан;

2. Хүлээн авагч тал тухайн ялтан эдэлбэл зохих ялыг эдэлж дууссан гэж үзсэн;

3. Ялтан ял эдэлж дуусахаас өмнө хорих газраас оргон зайлсан, эсхүл нас барсан;

4. Шилжүүлэгч талаас тусгайлан мэдээлэл хүссэн бол.

15 ДУГААР ЗҮЙЛ
Ялтныг шилжүүлэх

1. Ялтныг шилжүүлэх тов, газрыг шилжүүлэгч тал болон хүлээн авагч тал харилцан тохиролцож шийдвэрлэнэ. Хүлээн авагч тал ялтныг шилжүүлэгч талаас шилжүүлэн авах тээвэрлэлт болон шилжүүлэгч талын нутаг дэвсгэрээс гадна хорионд байх асуудлыг бүрэн хариуцна.

2. Ялтныг шилжүүлэх шийдвэрийг англи хэлээр тус бүр 2 хувь бичгээр үйлдэх бөгөөд эх бичвэрүүд адил хүчинтэй байна. Талууд тус бүр нэг хувийг хадгална.

16 ДУГААР ЗҮЙЛ
Маргаан шийдвэрлэх

Энэхүү гэрээг тайлбарлах болон хэрэгжүүлэхтэй холбогдон гарах аливаа маргааныг талуудын эрх бүхий төв байгууллага хоорондоо зөвлөлдөн шийдвэрлэнэ. Хэрэв талуудын эрх бүхий төв байгууллага хоорондоо зөвшилцөлд хүрч шийдвэрлэх боломжгүй тохиолдолд дипломат шугамаар шийдвэрлэнэ.

17 ДУГААР ЗҮЙЛ
Бусад гэрээнүүд

Энэхүү гэрээ нь талуудын нэгдэн орсон олон улсын гэрээ болон бусад хэлэлцээрийн хүрээнд хүлээсэн эрх үүрэгт хамаарахгүй.

18 ДУГААР ЗҮЙЛ
Зөвлөлдөх

1. Аль ч талын хүсэлтээр энэхүү гэрээг хэрэглэх болон тайлбарлахтай холбоотой асуудлаар талууд хамтран зөвшилцөнө.

2. Талуудын эрх бүхий төв байгууллагууд энэхүү гэрээтэй холбоотой үүсэх онцгой нөхцөл болон тус гэрээг хэрэгжүүлэх үйл ажиллагааг дэмжих талаар хамтран ажиллана.

19 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ
Хүчин төгөлдөр болох, нэмэлт, өөрчлөлт оруулах ба цуцлах

1. Талууд энэхүү гэрээг хүчин төгөлдөр болгох дотоодын хууль тогтоомжийн шаардлагыг хангасан тухайгаа нөгөө талд бичгээр мэдэгдэнэ. Энэхүү гэрээ хоёр мэдэгдлийн хамгийн сүүлд хүлээн авсан өдрөөс хойш гуч (30) дахь өдрөөс хүчин төгөлдөр болно.

2. Энэхүү гэрээ нь хүчин төгөлдөр болохоос өмнөх хэрэгт болон хүчин төгөлдөр болсны дараа ял шийтгүүлсэн ялтныг шилжүүлэхэд үйлчилнэ.

3. Энэхүү гэрээнд харилцан зөвшилцсөний үндсэн дээр бичгээр нэмэлт, өөрчлөлт оруулна. Аливаа нэмэлт, өөрчлөлт нь тус гэрээний хүчин төгөлдөр болсон арга замын дагуу хүчин төгөлдөр болно.

4. Энэхүү гэрээ нь тодорхой бус хугацаагаар хүчин төгөлдөр хэвээр үлдэнэ. Аль ч тал, хэдийд ч энэхүү гэрээг дуусгавар болгох тухай хүсэлтийг дипломат шугамаар нөгөө талдаа бичгээр мэдэгдэж болно. Гэрээг дуусгавар болгох тухай мэдэгдлийг нөгөө тал хүлээн авсан өдрөөс хойш нэг зуун ная (180) дахь өдрөөс дуусгавар болно. Гэрээ дуусгавар болох нь гэрээ дуусгавар болохоос өмнө эхэлсэн ялтан шилжүүлэх ажиллагаанд нөлөөлөхгүй.

ДЭЭР ДУРДСАНЫГ НОТОЛЖ, талуудын Засгийн газраас бүрэн эрх олгосны дагуу энэхүү гэрээнд гарын үсэг зурав.

Энэхүү гэрээг 20.... оны .... дүгээр сарын ....-ны өдөр ..... хотноо, вьетнам,монгол болон англи хэлээр үйлдсэн бөгөөд эх бичвэр тус бүр нь адил хүчинтэй байна. Гэрээг тайлбарлахад зөрүү гарвал англи хэлээрх эх бичвэрийг баримтална.

БҮГД НАЙРАМДАХ СОЦИАЛИСТ ВЬЕТНАМ УЛСЫГ ТӨЛӨӨЛЖ

ТО ЛАМ

НИЙГМИЙН АЮУЛГҮЙ БАЙДЛЫН САЙД, ХУРАНДАА ГЕНЕРАЛ

МОНГОЛ УЛСЫГ ТӨЛӨӨЛЖ

Ц.НЯМДОРЖ

ХУУЛЬ ЗҮЙ, ДОТООД ХЭРГИЙНСАЙД